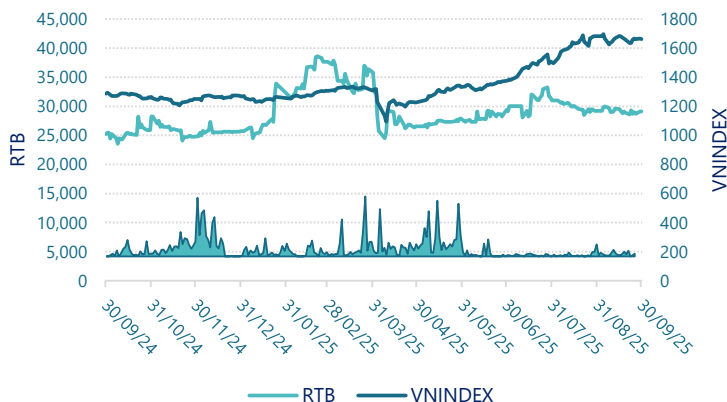




CTCP Cao su Tân Biên (UPCOM: RTB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,609
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,542
SL cổ phiếu LH	87,945,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,565
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,559
P/E	6.3
EPS	4,618

DT thuần

Q3/25

316

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.0 | 19.6%

YoY: ▲ 5.00 | 1.5%

LN sau thuế

Q3/25

114

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 91.0 | -44.6%

YoY: ▼ 4.00 | -3.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

41.3%

+/- YoY: ▼ 3.9%

DT thuần

9T 2025

783

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 20.0 | -2.5%

LN sau thuế

9T 2025

392

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0 | 18.3%

ROE

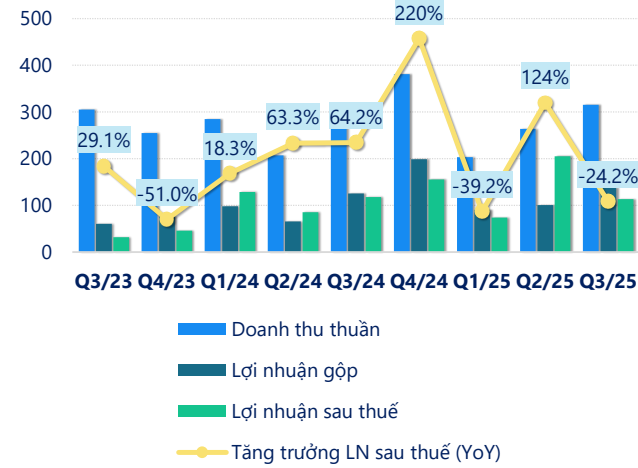
Q3/25

15.2%

+/- YoY: ▲ 2.8%

tỷ VNĐ

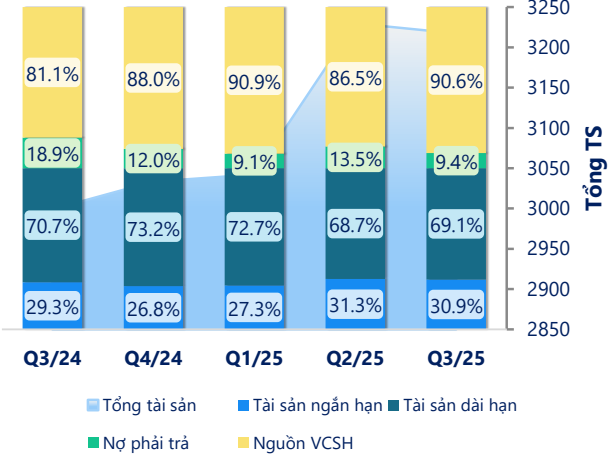
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

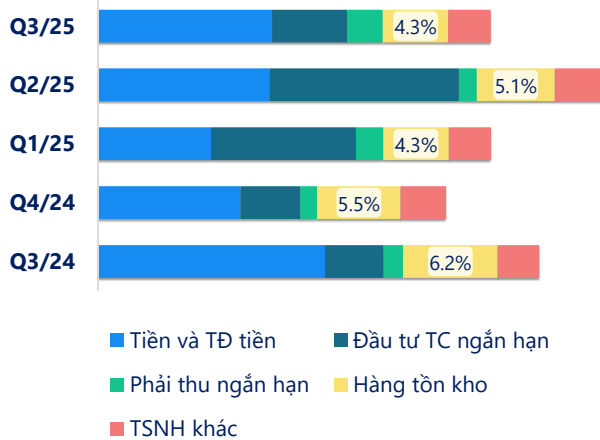
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



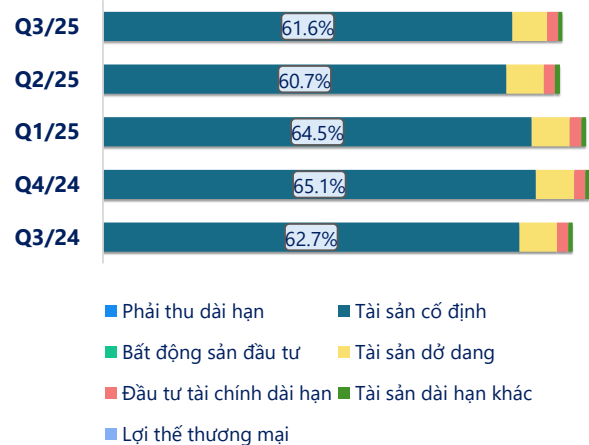
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

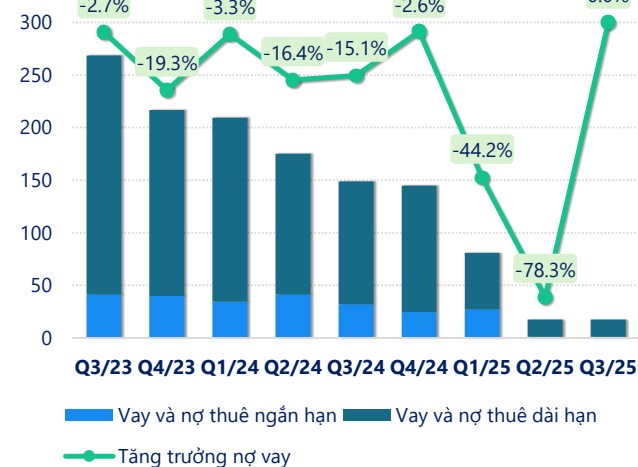
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

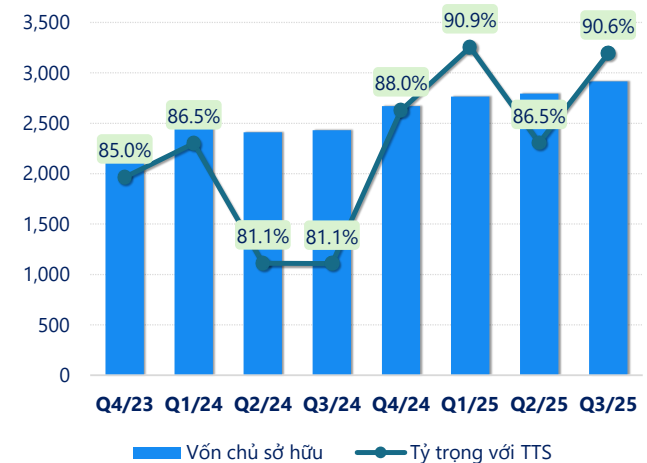
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

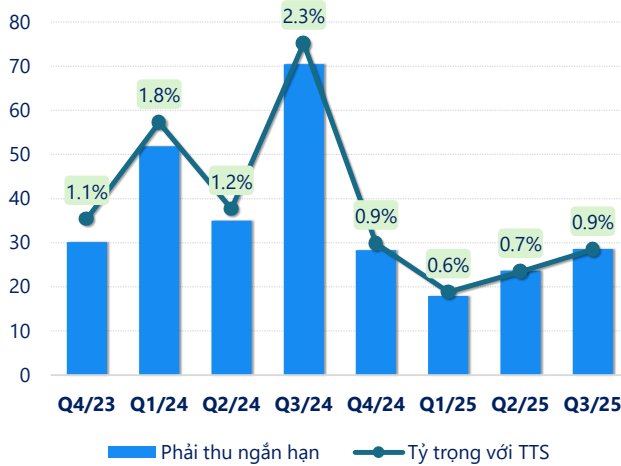
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



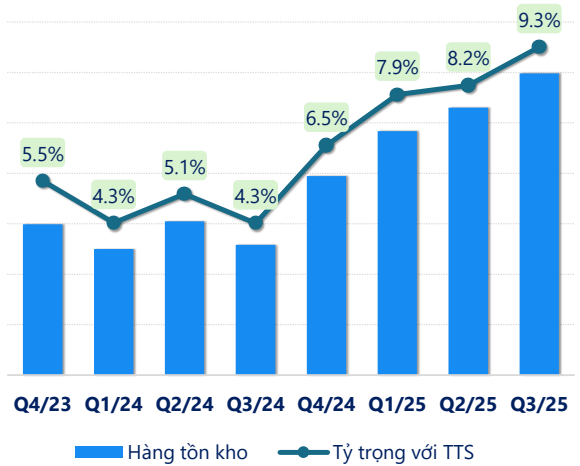
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


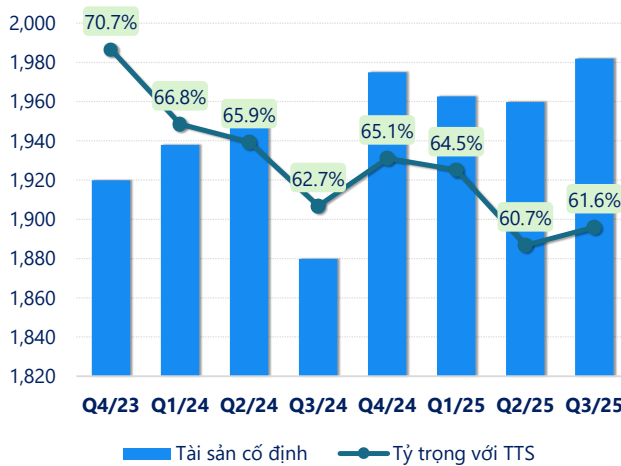
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


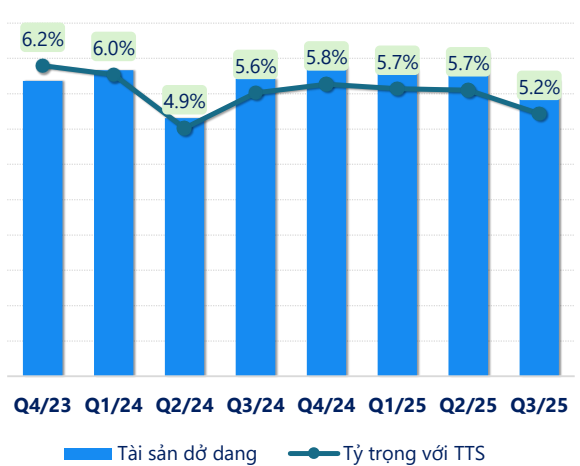
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

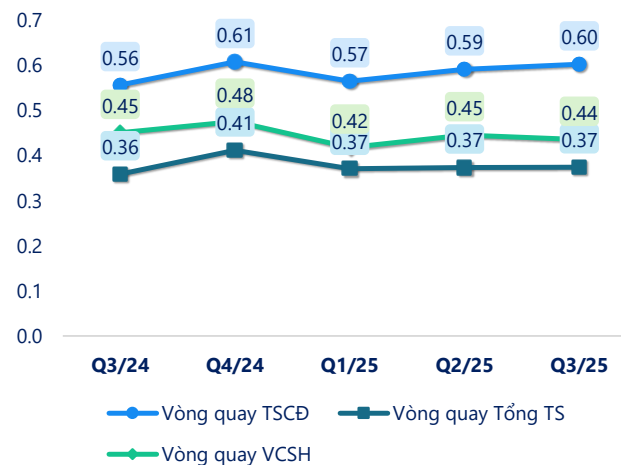
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,999	3,033	3,042	3,230	3,217
Tài sản ngắn hạn	880	814	830	1,009	994
Tiền và tương đương tiền	448	284	226	364	368
Đầu tư tài chính ngắn hạn	148	224	261	274	215
Phải thu ngắn hạn	70.5	28.3	17.9	23.7	28.6
Hàng tồn kho	129	197	242	265	299
Tài sản ngắn hạn khác	84.0	79.9	83.2	82.3	83.0
Tài sản dài hạn	2,119	2,219	2,212	2,220	2,223
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.22	0.22
Tài sản cố định	1,880	1,975	1,963	1,960	1,982
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	169	176	173	183	167
Đầu tư tài chính dài hạn	51.4	50.2	53.1	53.2	53.8
Tài sản dài hạn khác	19.3	18.5	22.7	24.1	19.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	568	363	278	435	303
Nợ ngắn hạn	439	231	213	417	285
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.9	24.5	27.2	1.20	1.20
Phải trả người bán ngắn hạn	29.0	20.7	27.7	41.1	32.3
Nợ dài hạn	129	132	64.7	17.3	17.3
Vay và nợ thuê dài hạn	117	120	53.7	16.4	16.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,431	2,670	2,765	2,795	2,915
Vốn chủ sở hữu	2,431	2,670	2,765	2,795	2,915
Vốn điều lệ	879	879	879	879	879
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)